

Số: 74/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy D- sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Bùi Tiến T- sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu xóm Đ, xã Đ, tỉnh P.

Căn cứ Điều 55, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Thùy D và anh Bùi Tiến T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị Thùy D được trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thanh T, sinh ngày 25/10/2018 và Bùi Bích T, sinh ngày 04/6/2023, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Tiến T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/con, tổng 02 con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. *Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị Trần Thị Thùy D và anh Bùi Tiến T thống nhất vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Chị Trần Thị Thùy D và anh Bùi Tiến T thống nhất thỏa thuận: Chị Trần Thị Thùy D tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị D đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002995 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đ, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Trần Việt Dũng